TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 569/2025/HS-PT
Ngày: 22/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Bắc

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trí Thức

Ông Nguyễn Thành Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Đài Trang - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nghiêm Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 369/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị B do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh) với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị cáo bị kháng nghị: **Trần Thị B**, sinh năm 1979 tại Hà Tĩnh; Thường trú: tổ C ô C, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là tổ C ô 3, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); C ở: Tổ H, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là tổ H, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Phi T (đã chết) và bà Lê Thị T1; có chồng là Lê Khắc T2 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 24/4/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) về tội Đánh bạc theo Bản án số 41/2024/HS-ST. Bị cáo chưa nộp phạt.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

* *Bị hại:* Bà Phạm Thị Thanh T3, sinh năm 1990 và ông Mang Trung T4, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Khắc T2, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

+ Văn phòng C2; Địa chỉ: tổ B, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) – Trưởng văn phòng: ông Ngô Văn T5. (vắng mặt)

* *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 2000; địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất số 93, tờ bản đồ 20, diện tích 981m^2 tại thị trấn L, huyện L được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Lê Thị Hoàng M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số 00311 ngày 06/11/1997. Sau đó, bà M và chồng là ông Lê Hoàng H làm thủ tục tách thửa đất trên thành 3 thửa để chuyển nhượng như sau:

- Tách 90m^2 đất thành thửa số 284, tờ bản đồ 20 rồi chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Đức Q, bà Nguyễn Thị Q1, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01494 ngày 09/3/2007.

- Tách 805,7 m^2 đất thành thửa số 300, tờ bản đồ 20 rồi chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Minh T6, bà Đoàn Thị N, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02306 ngày 29/8/2007.

- Còn lại 72,5 m^2 đất (chỉnh lý từ 85,3 m^2 đất) thuộc thửa số 93, tờ bản đồ 20, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Văn D, bà Chiêm Thị Mỹ L1, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 569658 ngày 03/01/2013. Sau đó, ông D, bà L1 chuyển nhượng đất cho người khác. Đến ngày 04/6/2020, vợ chồng ông Vũ Tiến L2, bà Nguyễn Thị T7 mua lại diện tích đất trên và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác nhận chỉnh lý trang tư tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 569658 ngày 03/01/2013.

Mặc dù biết rõ nguồn gốc thửa đất số 93, tờ bản đồ 20 tại thị trấn L, huyện L là của người khác, nhưng vào khoảng tháng 3/2021, Trần Thị B gặp đối tượng tên H1 (chưa rõ nhân thân) tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện L và cung cấp cho H1 thông tin căn cước công dân, sổ hộ khẩu của vợ chồng Trần Thị B, Lê Khắc T2 kèm theo bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 569658 ngày 03/01/2013 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp đứng tên ông Phạm Văn D, bà

Chiêm Thị Mỹ L1 để thuê H1 làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có nội dung là Trần Thị B, Lê Khắc T2 đứng tên, với giá 30.000.000 đồng. Tháng 4/2021, B nhận được từ đối tượng H1 "1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ghi là số BM 569658 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 03/01/2013 cho Lê Khắc T2, Trần Thị B được quyền sử dụng 80 m^2 đất thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 20 tại thị trấn L, huyện L", rồi B mang về nhà cất giấu.

Ngày 25/12/2021, B đến nhà gặp bà Phạm Thị Thanh T3 ở khu phố H, thị trấn L hỏi vay 100.000.000 đồng. Bà T3 yêu cầu phải có tài sản thế chấp mới cho vay. B về nhà lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên đưa cho bà T3 làm tin để vay tiền. Tin tưởng giấy tờ đất B đưa là thật, bà T3 đồng ý nhận giấy tờ đất trên và đưa cho B vay 100.000.000 đồng, nhưng hai bên làm giấy tay "Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2021" ghi số tiền vay là 150.000.000 đồng (do B và bà T3 thống nhất ghi để sau này người thân của B cho tiền trả nợ), lãi suất ghi trong hợp đồng là 0,2%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng (từ ngày 25/12/2021 đến ngày 25/6/2022).

Sau khi vay được 100.000.000 đồng, B chậm trả lãi nên bà T3 yêu cầu B đi công chứng thế chấp quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên cho vợ chồng bà T3. Ngày 15/3/2023, B cùng vợ chồng bà T3 đến Văn phòng C2 tại ấp P, xã P, huyện L nộp hồ sơ công chứng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên thì bị phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 03/3/2025, B đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Kết luận giám định số 79KL-KTHS-TL ngày 19/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

"1. Chữ ký mang tên Lê Thị C1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Lê Thị C1 trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 không phải là chữ ký cùng một người.

2. Hình dấu trên mẫu cần giám định ký hiệu mẫu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 đóng ra.".

Kết luận giám định số 102/KL-KTHS-TL ngày 31/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

"1. Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị Thanh T3 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị Thanh T3 trên mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị B trên mẫu cần giám định ký hiệu mẫu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị B trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người ký, viết ra.".

* Vật chứng đang lưu theo hồ sơ vụ án gồm:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là số BM 569658 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 03/01/2013 cho Lê Khắc T2, Trần Thị B được quyền

sử dụng 80 m^2 đất thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 20 tại thị trấn L, huyện L.

- 01 Hợp đồng vay tiền ghi ngày 25/12/2021 giữa bên cho vay là bà Phạm Thị Thanh T3 và bên vay là vợ chồng ông Lê Khắc T2, bà Trần Thị B.

* Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bà Phạm Thị Thanh T3, ông Mang Trung T4 yêu cầu Trần Thị B bồi thường 100.000.000 đồng và B đồng ý.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Thị B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị B 03 (Ba) năm 06 (S) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị B 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc Trần Thị B phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Ngày 13/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh) ban hành Quyết định kháng nghị số 135/QĐ-VKSLĐ kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh) để xét xử lại theo hướng: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với Trần Thị B về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; ban hành bản án đúng hình thức quy định tại Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 05/2017/HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm kháng nghị. Bị cáo tại ngoại có mặt, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xét xử vụ án:

Về tố tụng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh) kháng nghị trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Thị B về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là không đúng pháp

luật, có sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật; đồng thời vi phạm pháp luật về hình thức Bản án khi kiến nghị những vấn đề hoàn toàn không liên quan đến nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh) để xét xử lại theo hướng: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với Trần Thị B về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; ban hành bản án đúng hình thức quy định tại Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 05/2017/HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

6. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:*

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh) trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. *Về tội danh và điều luật áp dụng*:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Tháng 3/2021, Trần Thị B gặp đối tượng tên H1 (không rõ nhân thân lai lịch) tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L, thỏa thuận rồi cung cấp thông tin căn cước công dân, sổ hộ khẩu của Trần Thị B và chồng là ông Lê Khắc T2 cùng bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 569658 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 03/01/2013 cho ông Phạm Văn D, bà Chiêm Thị Mỹ L1 được quyền sử dụng 72,5m^2 đất thuộc thửa 93, tờ bản đồ số 20 tại thị trấn L, huyện L, thuê H1 làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thông tin thửa đất trên nhưng đứng tên vợ chồng B, T2 với giá 35.000.000 đồng. Tháng 4/2021, B nhận được từ Hoàng G chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là số BM 569658 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 03/01/2013 cho Lê Khắc T2, Trần Thị B được quyền sử dụng 80m^2 đất thuộc thửa 93, tờ bản đồ số 20 tại thị trấn L, huyện L và B đã giao đủ tiền cho H1.

Ngày 25/12/2021, B đến nhà gặp bà Phạm Thị Thanh T3 ở khu phố H, thị trấn L hỏi vay 100.000.000 đồng. Bà T3 yêu cầu phải có tài sản thế chấp mới đồng ý cho B vay. Do đó, B về nhà lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên

đưa cho bà T3 làm tin để vay tiền. Tin tưởng giấy tờ đất B đưa là thật, bà T3 đồng ý nhận giấy tờ đất trên và cho B vay 100.000.000 đồng, nhưng hai bên làm giấy tay "Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2021" ghi số tiền vay là 150.000.000 đồng (do B và bà T3 thống nhất ghi để sau này người thân của B cho tiền trả nợ), lãi suất ghi trong hợp đồng là 0,2%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng (từ ngày 25/12/2021 đến ngày 25/6/2022). Sau khi vay được 100.000.000 đồng, B chậm trả lãi nên bà T3 yêu cầu B đi công chứng thế chấp quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ chồng bà T3. Ngày 15/3/2023, B cùng vợ chồng bà T3 đến Văn phòng C2 tại ấp P, xã P, huyện L nộp hồ sơ công chứng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên thì bị phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thị B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ xét xử đúng người, đúng tội, nhưng chưa đúng pháp luật đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

[3]. *Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh):*

[3.1]. Về tội danh xét xử:

Bị cáo biết rõ nguồn gốc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 20 tại thị trấn L, huyện L là của người khác nhưng cố tình thuê đối tượng tên H1 (không rõ nhân thân lai lịch) làm Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả đứng tên mình và ông Lê Khắc T2. Khi hỏi vay 100.000.000 đồng, bà Phạm Thị Thanh T3 yêu cầu phải có tài sản thế chấp mới cho vay, bị cáo đã về lấy giấy tờ giả mình đã làm trước đó để gian dối khiến bà T3 tin tưởng giấy tờ giả là thật, cho vay tiền và thực chất bị cáo chiếm đoạt số tiền này. Việc bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả và thủ đoạn cung cấp thông tin gian dối khiến bị hại tin tưởng giả là thật, nhằm chiếm đoạt tiền vay 100.000.000 đồng của bị hại. Vì vậy, bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Toà án cấp sơ thẩm nhận định, xét xử bị cáo Trần Thị B về tội "Sử dụng tài liệu giác của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là không đúng pháp luật.

[3.2]. Về hình thức bản án sơ thẩm:

Hình thức bản án tuân thủ theo quy định, tuy nhiên trong phần nhận định và quyết định của bản án, có những nội dung kiến nghị về những vấn đề không trực tiếp liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đây là sai sót của Toà án cấp sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3.2]. Các vấn đề Viện kiểm sát kháng nghị là thiếu sót của cấp sơ thẩm có thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm đối với những nội dung liên quan được nêu trong kháng nghị của Viện kiểm sát, mà không huỷ án.

[4]. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh), sửa án sơ thẩm theo hướng: sửa hình phạt và Điều khoản áp dụng đối với bị cáo Trần Thị B về tội danh "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", bỏ toàn bộ các nội dung kiến nghị liên quan trong vụ án.

[5]. *Về án phí:* Không.

[6]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh), sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh) về hình phạt, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo, lưu ý cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm về hình thức Bản án và nội dung kiến nghị trong Bản án.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị B 02 (Hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Trần Thị B phải chấp hành là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Bỏ toàn bộ các nội dung liên quan đến kiến nghị trong phần Nhận định và Quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. *Án phí hình sự phúc thẩm:* Không.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/9/2025)

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 13, TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 13, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 13, TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu (3): Hồ sơ, Toà Hình sự, Văn phòng (09).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Minh Bắc